

Phụ lục II.2

CHI THUỜNG XUYỀN KHCN, ĐMST VÀ CDS - KHỐI SỞ BAN NGÀNH - NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày tháng 10 năm 2026 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng													
TT	Nhiệm vụ chi do cấp có thẩm quyền giao	Kinh phí phân bổ năm 2026					Số liệu giải ngân					Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
		Chi thường xuyên					Chi thường xuyên						
		Tổng	KHCN	HTTB	ĐMST	CDS	Tổng	KHCN	HTTB	ĐMST	CDS		
1	Văn phòng Thành ủy	570	0	0	0	570	0					0%	
2	Văn phòng UBND thành phố	13.190		0	0	13.190	0					0%	
3	Sở Tư pháp	360	0	0	0	360	0					0%	
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.530	0	0	0	1.530	0					0%	
5	Sở Nội vụ	11.160	0	0	0	11.160	0					0%	
6	Sở Xây dựng	350	350				0					0%	
7	Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII	405				405	0					0%	
8	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các KCN	1.080				1.080	0					0%	
9	Trung tâm phát triển quỹ đất	6.570	0	0	0	6.570	0					0%	
10	Trường Chính trị	60	0	0	0	60	0				0	0%	
11	Thành Đoàn Đà Nẵng	270	0	0	0	270	0					0%	
12	Sở Ngoại vụ	378				378	0					0%	
13	Trường Cao đẳng Đà Nẵng	54				54	0					0%	
14	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố	1.067	0	0	1.067	0	4				4	0,37%	
15	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng	3.420	0	0	0	3.420	71				71	2,08%	
16	Sở Công Thương	3.870	0	0	0	3.870	123				123	3,18%	
17	Sở Tài chính	7.979	0	0	0	7.979	324	324				4,06%	
18	Sở Nông nghiệp và Môi trường	192.036	0	0	0	192.036	21.452				21.452	11,17%	
19	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật	2.790	2.790	0	0	0	1.102	1.102				39,50%	
20	Sở Khoa học và Công nghệ	174.407	85.086	0	21.193	68.128	96.844	60.760	0	10.511	25.573	62%	
21	Sở Y tế	15.528				15.528	12.586				12.586	81,05%	
	TỔNG CỘNG	437.074	88.226	0	22.260	326.588	132.506	62.186	0	10.511	59.809	30,32%	